

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 29-10-2020

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Triết

*Các thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Hằng  
Ông Nguyễn Duy Thuần

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lại Thị Minh Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 29/10/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 26/2020/TLPT-HNGĐ ngày 06/10/2020, về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2020/QĐ-PT ngày 08/10/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn H – Sinh năm: 1981; địa chỉ: Thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Châu L – Sinh năm 1982; địa chỉ: Thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Minh T1; địa chỉ: Trung tâm y tế huyện P, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Tôi với bà Nguyễn Thị Châu L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20-12-2005, trên cơ sở tình nguyện yêu thương nhau.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình cả hai không

hòa hợp. Xét hôn nhân giữa tôi với bà Nguyễn Thị Châu L không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Nguyễn Thị Châu L.

*Về con chung:* Giữa tôi với bà Nguyễn Thị Châu L có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Hải N, sinh ngày 30-11-2006 và cháu Trần Nguyễn Bảo T, sinh ngày 23-02-2015. Hiện các cháu N và T còn nhỏ đang sống cùng với hai vợ chồng. Nay ly hôn thì tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Trần Nguyễn Hải N, sinh ngày 30-11-2006 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Giao cháu Bảo T cho bà Nguyễn Thị Châu L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi T đủ 18 tuổi.

*Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Do tôi và bà L mỗi người nuôi 01 con chung nên không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chúng tôi không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn bà Nguyễn Thị Châu L trình bày:**

Tôi đồng ý với trình bày của ông Trần Văn H về quan hệ hôn nhân. Quá trình chung sống thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên thì thoáng thì vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn xung đột do bất đồng quan điểm sống nhưng không đáng kể. Hiện nay ông Trần Văn H có quan hệ ngoài hôn nhân với bà Trần Thị Minh T1 là người công tác cùng cơ quan với ông H nên ông H mới làm đơn xin ly hôn với tôi để được sống cùng với bà T1. Do đó tôi không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của ông H. Đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nhau chăm lo giáo dục con chung và bản thân tôi vẫn còn yêu thương ông H.

*Về con chung:* Chúng tôi có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Hải N, sinh ngày 30-11-2006 và cháu Trần Nguyễn Bảo T, sinh ngày 23-02-2015. Hiện cháu N và Tiên còn nhỏ đang sống cùng với hai vợ chồng và hiện nay đối với cháu Trần Nguyễn Hải N đang bị bệnh hiểm nghèo, nằm một chỗ. Nay ông H xin ly hôn thì tôi không đồng ý nên tôi không yêu cầu giải quyết về con chung.

*Về tài sản chung, về nợ chung:* Do không đồng ý ly hôn nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

**Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 14/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn H đối với bà Nguyễn Thị Châu L.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03-8-2020, nguyên đơn ông Trần Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Ông Trần Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn ông Trần Văn H giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung kháng cáo. Bị đơn bà Nguyễn Thị Châu L không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông H.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có quan điểm như sau:*

- Về phần thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa vợ chồng ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Châu L chưa đến mức trầm trọng, thể hiện trong các biên bản xác minh tại phiên tòa; bên cạnh đó, bà L xác định còn tình cảm vợ chồng, muốn đoàn tụ gia đình. Do đó, đơn kháng cáo của nguyên đơn ông H không có cơ sở xem xét nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Trần Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H cho rằng “vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình cả hai không hòa hợp” còn bà L cho rằng “thi thoảng thì vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn xung đột do bất đồng quan điểm sống nhưng không đáng kể”. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì:

- Theo biên bản xác minh ngày 15/6/2020 tại UBND thị trấn A, huyện P, cán bộ tư pháp hộ tịch cho biết “.... Quá trình chung sống của vợ chồng anh H chị L tại địa phương thì chính quyền địa phương không thấy anh chị có mâu thuẫn gì, họ chung sống hạnh phúc. Hiện nay địa phương được biết vợ chồng anh chị có 02 con chung trong đó có 01 cháu trên 07 tuổi (cháu khoảng 14 tuổi) bị bệnh bại não không đi lại được, nằm một chỗ. Nay ông Trần Văn H làm đơn xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Châu L thì đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.”.

- Theo biên bản xác minh ngày 16/6/2020 tại UBND thị trấn A, huyện P, đại diện Hội liên hiệp phụ nữ cho biết “.... Quá trình chung sống thì địa phương không thấy anh chị có mâu thuẫn gì. Nay anh Trần Văn H làm đơn ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Châu L trong lúc con trai anh chị là cháu Trần Nguyễn Hải N, sinh ngày 30-11-2006 đang bị bệnh hiểm nghèo. Việc ly hôn của anh H nhằm trốn tránh nghĩa vụ chăm sóc con. Cho nên trong trường hợp này đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H. Để anh H cùng với vợ có trách nhiệm

chăm lo cho các con và chăm sóc, bảo vệ gia đình. Hội liên hiệp phụ nữ đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn H đối với chị Nguyễn Thị Châu L nên không xem xét về khả năng nuôi con chung của mỗi người sau khi ly hôn.”

- Theo biên bản xác minh tại Trung tâm y tế huyện P ngày 19/6/2020, thể hiện: “Anh Trần Văn H hiện đang lái xe cho Trung tâm y tế huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình công tác, anh H có quan hệ ngoài hôn nhân với bà Trần Thị Minh T đang công tác tại bộ phận văn thư Trung tâm y tế huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Nay anh H làm đơn xin ly hôn với chị L thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Hòa và chị L có 01 con chung bị bệnh u não, việc anh H muốn ly hôn chị L để trốn tránh trách nhiệm với gia đình, con cái. Trong trường hợp này đề nghị Tòa án xem xét, cân nhắc hợp tình hợp lý.”

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông H, bà L chưa đến mức trầm trọng. Bên cạnh đó, cháu Trần Nguyễn Hải N, sinh ngày 30-11-2006 đang bị bệnh u não, nằm một chỗ, cần được sự quan tâm chăm sóc đầy đủ của cả bố và mẹ. Mặt khác, có căn cứ thể hiện ông H có quan hệ ngoài hôn nhân với người khác. Do đó, tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H là có cơ sở.

Quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm, ông H cung cấp bản quay phim giữa ông H và bà L và bản chụp trang mạng xã hội cá nhân, tuy nhiên, nội dung cuộc nói chuyện giữa ông H, bà L trong bản quay phim không thể hiện rõ vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng và bà L không thừa nhận trang mạng xã hội là do bà L lập ra; do đó, không có căn cứ để xác định bà L đồng ý ly hôn với ông H.

Mặt khác, án sơ thẩm không làm rõ hành vi vi phạm chế độ một vợ, một chồng của ông H với bà Trần Thị Minh T là thiếu sót, tuy nhiên không ảnh hưởng đến nội dung vụ án, nên cần rút kinh nghiệm.

Từ những lập luận trên, xét thấy kháng cáo của ông H không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm để bảo đảm quyền lợi tốt nhất cho phụ nữ và trẻ em.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Ông Trần Văn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn H – Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 14/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn H đối với chị Nguyễn Thị Châu L.

[3] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0009665 ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

- Án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông H đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0015835 ngày 05/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đình Triết**